TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số:153/2018/HNGĐ-ST Ngày: 30-11-2018 "V/v tranh chấp ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Tùng Mận

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 395/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Thu H – Sinh năm: 1990 (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Anh Thân Thế T – Sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn - Chị Đoàn Thị Thu H trình bày:***

Chị H và anh Thân Thế T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014. Vợ chồng chị H, anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12 tháng 9 năm 2014.

Quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh T hạnh phúc thời gian đầu và bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2017 đến nay. Nguyên nhân do anh T cờ bạc, nghiện ngập, đi đêm, đi ngày mà không quan tâm, lo lắng cho chị và các con, vô

trách nhiệm. Từ đó vợ chồng anh chị không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã. Vợ chồng chị H, anh T đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả.

Đến tháng 02/2018 mâu thuẫn phát sinh căng thẳng vợ chồng chị H, anh T bắt đầu sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy không còn tình cảm với anh T nữa, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 02 con chung là cháu Thân Bảo Tr, sinh ngày: 11/4/2015 và cháu Thân Tuấn P, sinh ngày: 08/01/2018. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh Thân Thế T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị H, anh T không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị H, anh T.

**** Bị đơn - Anh Thân Thế T*** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu của nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu H là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Thân Thế T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh T là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Đoàn Thị Thu H và anh Thân Thế T chung sống và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12 tháng 9 năm 2014. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân giữa chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T cờ bạc, nghiện ngập, đi đêm, đi ngày mà không quan tâm, lo lắng cho vợ và các con. Vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ

chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã. Vợ chồng anh chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Đến tháng 02/2018 mâu thuẫn phát sinh căng thẳng vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Quá trình xác minh địa phương cung cấp: Quá trình chung sống tại địa phương thì vợ chồng chị H, anh T thường xảy ra mâu thuẫn, gia đình và địa phương đã hòa giải và khuyên nhủ rất nhiều lần nhưng vẫn không thành. Nay mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy; Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đoàn Thị Thu H và anh Thân Thế T đã kéo dài và ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh T của chị H.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Thân Bảo Tr, sinh ngày: 11/4/2015 và cháu Thân Tuấn P, sinh ngày: 08/01/2018. Hiện nay cháu Tr và cháu P vẫn đang còn nhỏ và đang sống với chị H; Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu Tr và cháu P nên giao cháu Thân Bảo Tr và cháu Thân Tuấn P cho chị Đoàn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng nuôi con chung chị H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết, là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Đoàn Thị Thu H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Đoàn Thị Thu H và anh Thân Thế T.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung cháu Thân Bảo Tr, sinh ngày: 11/4/2015 và cháu Thân Tuấn P, sinh ngày: 08/01/2018 cho chị Đoàn Thị Thu H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

2.2 Anh Thân Thế T không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Thân Thế T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về công nợ: Đương sự xác định không có công nợ nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đoàn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị Đoàn Thị Thu H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0003807 ngày 16 tháng 5 năm 2018.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS thành phố.B;
- UBND phường T, thành phố.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lương Thị Trúc